

LÝ ĐÔNG A

ĐẠI VIỆT MÔ
(Tốc giảng)

ĐỒNG NHÂN HỌC XÃ
2007 – 4886 T.V.

LỜI NÓI ĐẦU

Đại Việt Mô là tên gọi vắn tắt của bộ sách “Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo An Toàn Phò”.

“ĐẠI VIỆT MÔ TỐC GIẢNG” là một tài liệu được các đồng chí Duy Dân tiền bối ghi chép lại khi tham dự khóa Huấn Luyện Đặc Biệt vào mùa thu năm 1945 do chính thư ký trưởng Lý Đông A thuyết giảng, sau đó đã trình cho Thư Ký Trưởng duyệt lại nên cũng được coi là một tài liệu chính thức (gốc). Chúng tôi may mắn truy tìm được ba bản “Đại Việt Mô tốc giảng” (hai bản đánh máy, một bản chép tay) để so sánh đối chiếu hầu có được một bản tạm hoàn chỉnh hơn cho việc biên tập và chú giải.

“Đại Việt Mô tốc giảng” gồm 5 phần: phần đầu và 4 thiên:

- Phần đầu: Lý giải ý nghĩa của Đại Việt và Mô, nên chúng tôi mạnh dạn nêu tiêu đề “Định Danh Đại Việt Mô” và ba tiểu mục: A. Mô; B. Đại Việt; C. Totem Lạc Việt...

- Thiên Nhì: Chú giải và trích dẫn thêm cho rộng nghĩa mục B. Giác Ngộ Nhân Cách và Dân Tộc. Nêu thêm tiêu đề C. Đạo Thống Việt và 3 tiểu mục.

- Thiên Ba: Mục C. viết về lá cờ (Đảng Kỳ) quá giản lược, nên chúng tôi tham khảo bài “Ý Nghĩa và Hình Thức Đảng Kỳ Đại Việt Duy Dân” do cố tiền bối Thái Đình Nhân viết để trích đưa thêm vào đây cho hoàn bị hơn.

- Thiên Bốn: Tham khảo Chu Tri Lục 3, ghi thêm tiêu đề cho các Cương lĩnh 1, 3, 5, 6, 7. Riêng Cương lĩnh 8 chỉ ghi vắn tắt “Đấu Tranh Cương Lĩnh” nên chúng tôi trích ở phần tóm lược Cương Lĩnh 8 – Chu Tri Lục 3 cho rộng nghĩa.

Các tiểu mục ghi vắn tắt khác như “Cương Mục Chính Sách”, “Tự Động Điều Chỉnh” và các từ lạ khó hiểu đều có chú giải và trích dẫn thêm ở các tài liệu khác cho thêm rộng nghĩa.

Chúng tôi mong các bạn đồng chí hướng và các bậc tiền bối cao minh sẵn lòng chỉ dẫn bổ sung cho những khiếm khuyết để càng hoàn chỉnh hơn.

Trân trọng.

Đồng Nhân Học Xã
Tháng 3/2007-4886 T.V.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	2
Định Danh (Đại Việt Mô)	5
A. Mô (Thiên Vũ Mô trong Kinh Thi).....	5
B. Đại Việt (Kiểm điểm lại diễn tiến của tên nước).....	5
- Nam Việt	
- Giao Chỉ Quận (*1).....	
- An Nam Đô Hộ phủ	
- Đại Cồ Việt	
- Việt Nam	
C. Totem Lạc Việt trong Đại Bách Việt	8
+ Phần chú giải từ ngữ	9
Thiên Nhất: Mục Thức	12
Bộ 1. Mở Quyển	
Bộ 2. Tổ Đảng	
Bộ 3. Lập Học.....	
Bộ 4. Thiết Giáo.....	
Bộ 5. Kiến Quốc.....	
Bộ 6. Đồng Nhân	
+ Phần chú giải	16
Thiên Nhì: Rửa Hồn	19
A. Chính Khí.....	
B. Giác Ngộ Nhân Cách và Dân Tộc	
C. Đạo Thống Việt.....	
a. Tiên Rồng	
b. Sách Hóa, Sách Ước, Gậy Thần	
c. Ở Kiến trúc Loa Thành	
+ Phần chú giải	20
Thiên Ba: Nét Sơn.....	23
A. Chữ Vạn Việt	
B. Văn minh Việt (hình tượng quốc sách)	
C. Cờ:	
a. Màu sắc trắng đỏ	
b. Chữ vạn Việt (.....) (Duy Nhiên)	
c. 3 sao trắng (Tam Nhân nền tảng).....	
d. Sáu vạch trắng (Lục Dân chính sách).....	
+ Phần chú giải	25
Thiên Bốn: Tuyến Mục.....	27
9 cương lĩnh Cách Mạng Việt	

CL1. Quốc tế Biên tế Phát triển.....	
CL2. Dân tộc Căn bản Lập trường	
CL3. Dân tộc Dân chúng Yêu cầu	
CL5. Quốc tế Văn hóa Thời đại.....	
CL6. Dân tộc Văn hóa Thủy chuẩn.....	
CL7. Quốc gia chính trị Phương châm	
CL8. Đấu tranh Cương lĩnh	
CL9. Kiến Quốc Quy mô	
+ Phần chú giải	30
+ Thư mục tham khảo.....	31
+ Xuân Thu Hoa (thơ)	32

ĐỊNH DANH (Đại Việt Mô)

ĐẠI VIỆT MÔ là tên những bộ sách của Duy Dân Học Xã quy định những kế hoạch kiến quốc. Muốn biết tinh thần và nội dung của Đại Việt Mô thì cần phải tìm hiểu rõ ràng ý nghĩa của từng cú đoạn⁽¹⁾ (prédicats): ĐẠI VIỆT và MÔ.

A. **MÔ** (謨) là do hai chữ Ngôn (言) và Mạc (莫) ghép lại. Nguyên chính trong Kinh Thư là Vũ Mô⁽²⁾ để chỉ những kiến quốc và kế hoạch của vua Vũ. Trong đó người ta thấy cả một thể chế ra Mô, cả một khuôn khổ và hệ thống đem gom góp tất cả những nhân tố trong vạn hữu chung đúc lại vào một mục đích là xây dựng quốc gia.

Herriot⁽³⁾ cũng định nghĩa: "Chính trị là Khoa học Vạn hữu" (La science de l'universel). Ở trong chữ MÔ ẩn nằm trong một thâm mưu viễn lự⁽⁴⁾ mà trên sự thực hành của nó, nó bảo chướng⁽⁵⁾ cho sự trường cửu và sinh tồn của Quốc gia được lâu dài.

Duy Dân Học Xã chủ trương rằng: nếu xây dựng một quốc gia Việt mà không thi hành một kế hoạch 30 năm để bảo chướng cho sự sinh tồn của Quốc gia Việt trong khoảng thời gian 500-600 năm^(*2) thì công cuộc kiến thiết và Cách Mạng thể hệ trong thời đại này cũng vô ích mà thôi. Cách Mạng là sự thành lập một văn minh mới, nghĩa là yêu cầu một tổ chức dự định bằng các hành động dự kế để đạt tới một lý tưởng dự định mà thực hiện ít nhất nhiều hiệu xuất dự toán.

B. **ĐẠI VIỆT**: Nguyên lai trong sự kiến quốc thì sự phát hiện nguồn gốc giống nòi đi đôi với sự kiến lập một quốc sử, hai điều kiện ấy quy định cho bối cảnh văn hóa quốc ấy được thành tựu.

Stael⁽⁶⁾ trong cuốn "De l'Allemagne" (Bàn về nước Đức) có nói: "cái trình độ mà người ta trông lại đằng sau càng sâu sắc bao nhiêu thì cái trình độ trông lại đằng trước càng lâu dài bấy nhiêu".

Xét về sự thành tựu của quốc gia Việt thì sau cuộc tái sinh của Đinh Tiên Hoàng, nó lại trở sang một thời kỳ tái tạo mà dung đúc nên phần tình lớn lao đến đời nay mà thành thực (mur).

Xem pho Quốc Sử của Lê Văn Hưu⁽⁷⁾ đã lấy Triệu Đà làm xuất lộ thì ta có thể hiểu được quá nửa cái luân quách⁽⁸⁾ (terrain) văn minh Lý

Học hội Thăng Nghĩa

Trần. Ta nhận thấy rằng cái lập cước điểm⁽⁹⁾ của Lê Văn Hưu, đến đời của Lê Thái Tổ với cuộc trung lưu dân tộc Cách Mạng có một cái đà đẩy (élan) mới.

Trong bài tựa Bình Ngô Đại Cáo⁽¹⁰⁾ có câu: “Những Đế Vương đời trước lai giống, chỉ có trăm sinh trưởng ở Lam Sơn là chính thống nòi giống. Vì thế mới xứng đáng gánh vác nhiệm vụ của nòi giống. Nòi giống ta đến ngày nay chẳng còn gì, trừ ăn trầu nhuộm răng còn thì lai hết”.

Cho nên từ câu nói đó dung đúc cả một phản tỉnh và phát quật của sử học nước ta, đến đời Hồng Đức⁽¹¹⁾ mà thành mô hình. Cả vận động sử học của Ngô Sĩ Liên⁽¹²⁾ gồm trong bốn chữ: “Sưu thần Bác vật”⁽¹³⁾. Sưu Thần nghĩa là khai quật những cái tri thức của ta ngay trong những tàn tích (débris) của tôn giáo bình diện thô kệch.

Lấy sự trút kín nguồn gốc đời Hồng Bàng manh nha từ Ngô Sĩ Liên (đời Hồng Đức) trải qua bao cuộc biến đổi, cho đến thời kỳ văn hóa Tây phương tràn sang Đông phương, một làn gió dân tộc vận động quật dậy từ trong đáy tầng nước ta, phản tỉnh đó làm hình bóng cho tương lai và lập cước điểm cho công việc ngày nay.

Cho nên sự đặt tên một nước biểu hiện tinh thần trên sự tích cực phát dương đặc tính của giống nòi và sự tiêu cực bảo vệ dân tộc ý thức của một tập thể sống còn.

Dưới sự nhận xét đó ta hãy kiểm thảo lại diễn tiến của tên nước Việt:

1. NAM VIỆT: Hai chữ Nam Việt chỉ biểu hiện được một hình thức bán tự trị được dưới sự cát cứ của quân phiệt Hán Triệu Đà.

2. GIAO CHỈ: Chỉ tỏ lộ một ý nghĩa rất đau thảm là cái lãnh thổ ta bị xô đẩy ra mãi tận bờ cõi phiên dậu cùng tột. Tại sao có tên Giao Chỉ?

GIAO: (交) Theo địa lý quốc phòng của người Hán thì lãnh thổ quốc gia chia ra làm nhiều địa giới:

Địa giới trung-tâm: Kinh.

Địa giới giáp-kinh: Kỳ.

Địa giới giáp Kỳ: Bang.

Địa giới giáp Bang: Phúc.

Học hội Thăng Nghĩa

Địa giới giáp Phúc: Diên.

Địa giới giáp Diên: Phiên (nghĩa là dậu rào).

Địa giới giáp Phiên: Giao.

Chính thức lĩnh thổ gồm có: Kinh, Kỳ và Bang thuộc trong phạm vi dự tưởng quốc phòng tuyến.

Đời Nghiêu: Giao ở miền Dương Tử giang.

Đời Hán: Giao ở miền Phiên Ngung (Quảng Đông).

Sau Hán: Giao là Hà Nội.

CHỈ: (阡 hoặc 阡)(*3) là tên đất.

3. AN-NAM: Về đời Đông Hán và Tây Hán nước ta là Giao Chỉ Quận, tức là bị liệt vào nội địa Trung Hoa dưới một hình thức thực dân trực tiếp.

Nhưng cuối Hán sang Ngô rồi đến Ngũ Triều sự thực dân trực tiếp bị thất bại rõ rệt bởi cuộc kháng chiến của Lý Nam Đế. Sự thất bại của chính sách thực dân đó được công nhận, nên từ hình thức thực dân trực tiếp nước ta, tiến sang một nước bị thực dân gián tiếp. Giao Chỉ Quận đổi thành AN NAM ĐÔ HỘ PHỦ.

4. ĐẠI CỒ VIỆT: Về sau trải qua mấy cuộc vận động tự trị từ Khúc, Ngô đến Đinh, nước ta lấy tên là Đại Cồ Việt, đã tỏ rõ ràng ý thức của dân tộc ta. Nguyên tiếng nói Giao Châu (trung châu Hà Nội) mạnh nha từ sau cuộc thất bại Trưng Nữ Vương. Trải qua bao thời đại đến Đinh là thành thực có mô hình (forme fixe), ở trong những mô hình đó có một tính chất đặc điểm là sự phối hợp thông thái thành lập (formation savante) và dân gian thành lập (formation populaire). ĐẠI và VIỆT là thuộc thông thái thành lập. Còn CỒ từ bản nguyên của ta là Cồ, nghĩa là lớn, thuộc dân gian thành lập.

5. VIỆT NAM: Về sau đến đời Nguyễn Gia Long đổi tên là Việt Nam một hình thức phiên thuộc (vassal) chịu sự đè nén của văn hóa Hán.

Trong sự đặt tên nước ta là Việt Nam, nhà Thanh có một lý do: muốn coi nước ta như một tỉnh, hay một phiên thuộc Trung Hoa.

Vì Trung Hoa đã có Việt Đông, Việt Tây và Việt Bắc, nên mới gọi là Việt Nam. Chứng cứ rõ ràng chúng ta không có một nền siêu nhiên độc lập, một chân chính độc lập.

Đến thời Pháp thuộc, chúng ta bị gồm trong thuộc địa Pháp: Indochine-Francaise tương đương với Francaise-Vietnam, một hình thức không tiến hóa của sự đấu tranh giữa hai văn hóa Pháp và Hoa trên đất Việt.

Với Nhật ta cũng không có một độc lập chân chính, nghĩa là chỉ mang chữ J thay vào chữ F xóa đi. Cho nên đến ngày nay dưới quyền thống trị của Việt Minh (Quốc Tế Cộng Sản), nước ta ở trong một tình thế mông lung dưới sự uy hiếp và dày xéo của mấy cường quốc, có khác gì mang chữ I (International) thay thế vào chữ J (Japonais) không?

Cho nên sự thức tỉnh sâu sắc và chính đáng của người Việt chỉ thực hiện được khi nào cắt đứt được đầu đuôi chữ F, chữ I trên một địa đồ hoàn bị với một ý thức trọn vẹn giống nòi.

C. TOTEM LẠC VIỆT TRONG ĐẠI BÁCH VIỆT: Nay nếu chỉ xét về phương diện ngữ học mà luận thực tế thì chính chữ VIỆT cũng không phải là tiếng nước ta đặt lấy: tùy theo sự nhận xét tính chất của nòi giống ta, người Hán gọi chúng ta là Việt, Viêm, Thái, Hải Đại, Mã Lai...

Đáng lẽ chữ LẠC là đúng hơn cả, chữ đó có hai tính cách: thứ nhất là tiếng Hán Việt chứ không phải Việt thuần túy, thứ hai là có một ý nghĩa Hèm (totémique).

Theo tự điển Tàu, Lạc là một thứ chồn hai chân sau dài, hai chân trước ngắn, ở cổ có cái bóng để nuôi con (giống con kangourou bên Phi châu và Úc châu).

Ta có thể cho rằng Lạc là một thứ Hèm⁽¹⁴⁾ đã chi phối đời sống dân tộc ta lúc mới phôi thai và ghi dấu vết vào một giai đoạn trong quá trình tiến hóa Việt.

Nay ta nhắc qua ý nghĩa và công dụng của Hèm trong lịch sử loài người:

Tất cả sinh hoạt của nòi giống, nhân loại xây dựng trên các trình thức⁽¹⁵⁾ (équation) này:

a. Đất đai (hình thể).

- b. Thực vật giới (flore).
- c. Động vật giới (faune).
- d. Nhân chủng (human races).

Xét từ thời hồng hoang, người ta đã chịu ảnh hưởng của thực vật giới và động vật giới trên hình thể đất đai mà xây dựng lịch sử Totem của mình.

Xét về Totem (Vật Tổ) của Bách Việt ta có thể kể con Lạc (đàn bà Mường có mặc một bức yếm ngoài có cái Slo-ốc, buộc túm ở đằng trước ngực, ấn tượng của cái bông con chồn), con luồng (rồng), con rùa là động vật mà khi xưa người Tàu thường bắt Nam phương cống hiến để tỏ uy quyền của mình.

Sau khi đã kiểm lại những tên mà nước ta đã mang trải qua các thời đại từ ngày lập quốc đến giờ, ta chỉ có thể theo một phương châm chiết trung là lấy tên VIỆT hay ĐẠI VIỆT làm danh hiệu cho Bộ ĐẠI VIỆT MÔ.

Ở trong một mục lục biện nhẽ (tableau de matière raisonnée)⁽¹⁶⁾ thì phải giải thích ĐẠI VIỆT MÔ như sau đây:

Đứng nghiêm ngặt trên lập trường nòi giống Việt, trên cái nền tảng và điều kiện của thế giới và thời đại, tìm tòi và đề nghị cho quốc dân những phương châm, phương thức, phương pháp cách mạng và kiến thiết toàn diện, triệt để và hướng thượng, để đi từ mục đích rất gần: "Cứu Quốc và Tồn Chủng", tiến đến một mục đích xa hơn là xây đắp một cái thể hệ trọn vẹn về kinh tế và sinh mệnh văn hóa⁽¹⁷⁾ Việt.

Lời giải thích trên đây căn cứ vào nền tảng thế giới và lập trường Việt, nghĩa là công nhận loài người nhất tính và toàn tính⁽¹⁸⁾ mà phát triển và đứng trên lập trường độc đặc Việt để phát triển đặc tính của văn hóa mình. Hai cú đoạn trên chỉ biểu hiện một phản tỉnh rằng: Nòi giống Việt muốn phục hưng và phục hoạt tất phải in sâu vào trong để uẩn⁽¹⁹⁾ (contenu du bas fond) sự nhất tính của loài người mà phát dương cái để uẩn, cái đặc tính của tự tính mình.

¹ **Cú Đoạn:** Phần câu mang thuộc tính cho chủ ngữ.

² **Vũ Mô:** (Mô là mưu mô, mưu sách, mưu lược). Vũ Mô là kế hoạch kiến quốc của vua Vũ.

Kinh Thư là một thứ sử đặc biệt không phải là sử ký thông thường mà là Huyền sử hay Triết sử bao gồm lối 1700 năm từ Nghiêu, Thuấn qua Hạ, Thương tới Chu, chia làm 4 phần gồm: Ngu thư (5 thiên), Hạ thư (4 thiên, Thương thư (17 thiên) và Chu thư (32 thiên); cộng tất cả là 58 thiên.

Vũ Mô nằm trong Ngu thư gồm: 1. Nghiêu điển, 2. Thuấn điển, 3. Đại Vũ Mô, 4. Cao Dao Mô (*4), 5. Ích tắc.

Theo giáo sư Lương Kim Định trong cuốn *Tinh Hoa Ngũ Điển* (NXB Nguồn Sáng SG 1973) thì: Huyền sử là dùng những mảnh vụn lịch sử, những sự kiện được kể lại tuy có liên hệ phần nào đến sử nhưng đã được huyền thoại hóa để nói lên nền minh triết Nhân Luân, Nhân Trị. Nền minh triết này chủ trương đặc quyền cai trị vào tay những người có đức độ tài năng thực sự yêu dân, yêu nước.

³ **Herriot**: Emile Edouard Herriot (1872-1957) chính khách hàng đầu của Pháp.

⁴ **Thâm Mưu Viễn Lự**: Trù tính trước một kế hoạch sâu sắc kín đáo. Lo lắng sắp đặt một kế hoạch lâu dài.

⁵ **Bảo chướng**: (Bảo: giữ gìn, chăm sóc; chướng: che chắn, ngăn phòng). Bảo vệ, gìn giữ ngăn ngừa trước những bất trắc có thể xảy ra.

⁶ **Bà de Staél** (1766-1817): Nhà lãnh đạo hoạt động xã hội và văn học của Pháp.

⁷ **Lê Văn Hưu** (1230-1322): Danh sĩ, sử gia đời Trần, quê xã Phú Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thi đỗ Bảng Nhãn năm 17 tuổi, làm Pháp Quan giữ hình luật rồi Thượng thư bộ Binh tước Nhâm Uyên Hầu. Đời Trần Thánh Tông, ông sung chức (*5) Học sĩ viện Hàn Lâm Kiêm Tu Viện Quốc sử soạn bộ Đại Việt Sử ký gồm 30 tập, chép từ đời Triệu Vĩ Đế (207-111 trước TL) đến đời Lý Chiêu Hoàng (1225), hoàn thành năm 1272.

Lê Văn Hưu là nhà chép sử đầu tiên, cũng như Đại Việt Sử Ký là bộ chính sử đầu tiên của Việt Nam. Đến đời Lê Thái Tổ (Hậu Lê) sai Phan Phu Tiên làm Đại Việt Sử ký lục biên gồm 10 quyển chép tiếp từ đời Trần Thái Tông đến lúc giặc Minh rút về Tàu (1427).

⁸ **Luân Quách** (terrain) (Luân: biên giới, rìa cạnh. Quách: phạm vi, bề ngoài của sự vật). Luân Quách là nền tảng có ranh giới được phân biệt với các nền tảng khác, là biên duyên, phạm vi ranh giới, là lập cước điểm.

⁹ **Lập Cước Điểm** (Lập: đứng, đặt để. Cước: chân): Lập cước điểm là chỗ để chân trước khi chạy nhảy. Việc để chân đúng cách để lấy đà giúp cho nhảy hay chạy nhanh và chính xác hơn. Trong Chính trị và Cách Mạng, việc xác định chỗ đứng và thế đứng trước khi khởi đầu cuộc vận động chính trị và Cách Mạng quyết định sự đúng sai, nhanh chậm của cả cuộc vận động.

¹⁰ **Bình Ngô Đại Cáo**: Năm 1428, sau khi đánh đuổi xong giặc Minh ra khỏi bờ cõi, Bình Định Vương – Lê Lợi sai Nguyễn Trãi (1380-1442) làm bài Bình Ngô Đại Cáo bằng Nho văn để báo cáo cho thiên hạ biết về:

- Việc giã nhân giã nghĩa của Trần Diệt Hồ và chính sách thực dân tàn ác dã man của giặc Minh xâm lược.

- Cuộc kháng chiến 10 năm gian khổ của quân dân Đại Việt đã hoàn toàn thành công: chém Liễu Thăng, Mộc Thạch và đánh tan 10 vạn viện binh ở ải Chi Lăng, khiến bọn Thôi Tụ phải quỳ, Hoàng Phúc tự trói, Vương Thông phải gục mặt xin hàng.

Đây là bản tuyên ngôn độc lập hùng tráng nhất mở ra một đoạn sử rực rỡ nhất của Đại Việt kéo dài hơn 300 năm.

¹¹ **Hồng Đức** (Lê Thánh Tông 1442-1497): Hồng Đức là niên hiệu thứ hai của vua Lê Thánh Tông. Ông tên thật là Lê Tự Thành, con thứ của vua Lê Thái Tông. Khi Lê Nghi Dân bị truất phế vì giết vua Lê Nhân Tông để tranh ngôi, ông được Nguyễn Xí và các đại thần đưa lên làm vua lấy hiệu là Quang Thuận năm 1460, đến năm 1470 mới đổi hiệu là Hồng Đức.

Ông thông minh hiếu học, am hiểu nhiều môn học thuật. Triều đại ông rất thịnh vượng, hoàn thành nhiều cải cách về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, võ bị, sử học... ông lập ra Tao Đàn Thi Xã gồm 28 vị thần gọi là Nhị Thập Bát Tú. Ông mất năm 1497 hưởng dương 55 tuổi, ở ngôi 37 năm, để lại nhiều văn thơ giá trị. Ông sai Ngô Sĩ Liên làm bộ Đại Việt Sử Ký toàn thư gồm 15 quyển. Sai hai ông Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận làm bộ Thiên Nam Dư Hạ. Tập gồm 100 quyển là nền tảng chính của luật Hồng Đức.

¹² **Ngô Sĩ Liên** (?-?): Danh sĩ, sử gia đời Hậu Lê, quê xã Chúc Lý, huyện Chương Đức, tỉnh Hà Đông. Ông đỗ tiến sĩ năm 1442, làm Tả Thị Lang bộ Lễ, rồi Viện Hàn Lâm quốc sử. Năm 1497 đời Hồng Đức Lê Thánh Tông, ông soạn xong bộ Đại Việt Sử Ký toàn thư gồm 15 quyển: bắt đầu từ đời Hồng Bàng qua Thục An Dương Vương tới khi giặc Minh chạy về nước, ông hưởng thọ 98 tuổi.

¹³ **Sưu Thần Bác Vật**: Tìm tòi tra cứu cái tinh thần trong khắp mọi vật.

¹⁴ **Hèm**: Vật tổ. Thời nguyên thủy, có những thị tộc, bộ tộc thường lấy một con vật hay một vật nào đó làm biểu tượng vật tổ cho bộ tộc của mình.

Đến năm 1973, báo chí Saigon vẫn còn dùng chữ "hèm" để dịch thuật chữ "totem". (Nguyễn Việt Hồng. (1973). Tinh hoa tư tưởng cổ Việt. *Viện Đại học Vạn Hạnh. Nguyệt san Tư Tưởng, số 2, tháng 4/1976*. 95).

¹⁵ **Trình Thức** (Trình: Chặng đường đi; Thức: Kiểu cách, lề lối). Trình Thức: chặng đường lần lượt phải đi qua, theo một lề lối, một phương hướng nhất định, đã được khảo sát và chứng minh thành một định luật như các phương trình Đại số học, Hóa học.

¹⁶ **Mục Lục Biện Nhẽ** (tableau de matière raisonnée): Trích: "Mục lục hình thức là cái mục lục thông thường bài liệt các đầu đề ra cho dễ nom, dễ nhìn, dễ thấy".

Mục Lục Biện Nhẽ là cái mục lục biện chứng đem bài liệt hình thức kia ra lấy lý tặc mà giải thích".

"Mục Lục Biện Nhẽ là đem dây tơ và tung hợp tối cao của kết cấu các bộ Đại Việt Mô trình bày tất cả cái thể hệ Duy Dân" (Trích *Duy Dân Huấn Phương*).

¹⁷ **Sinh Mệnh Văn Hóa**: Sinh Mệnh là dòng sống thực có tư tưởng, có tiến hóa của một cá nhân, của dân tộc hay toàn nhân loại. Ở đây muốn nói đến

việc xây dựng một nền văn hóa trọn vẹn và thống nhất từ nội dung bản chất ra tới hình thức và nội dung có sức sống mãnh liệt tới mai sau.

¹⁸ **Loài Người Nhất Tính và Toàn Tính:** Loài người dù ở cổ kim, đông tây hay da đen, đỏ, trắng, vàng đều có những tính giống hết nhau là nhu yếu tính, sắc tính, tự vệ tính, xã hội tính.

¹⁹ **Đề Uẩn** (Contenu du bas fond) (Đề là đáy, là gốc rễ. Uẩn là sâu kín). Đề Uẩn là cái thực tính bên trong (nội dung, cái thực sự được chứa đựng sâu kín ở dưới đáy tầng của dân tộc, của nhân loại).

Phụ chú:

(*1) Trong bản của Đồng Nhân Học xã (ĐNHX) chép là "Giải Chỉ Quận". (HVL)

(*2) Trong bản của ĐNHX chép là "trong khoảng thời gian 5-600 năm".

(*3) Do được biên soạn trong hoàn cảnh nhiều trắc trở tại quốc nội nên kỹ thuật điện toán chưa hoàn chỉnh, các chữ Hán trong "Đại Việt Mô Tắc Giảng" thuộc bản điện tử gốc đều để trống; các chữ Hán hiện có trong tài liệu này là do chúng tôi phụ chú sau.

Riêng trường hợp về chữ "Chỉ", đến nay vẫn còn nhiều tranh luận chưa ngã ngũ, các chữ thường đề cập là: 址, 址 và 趾; cả ba chữ này đều chưa tìm thấy chữ giáp cốt. Chúng tôi chọn chép hai chữ "址" và "址", các chữ này tương thích với giải nghĩa của Lý tiên sinh. Còn chữ "趾" cũng có nghĩa là "nền"; nhưng với bộ túc (足) ở bên, nghĩa chính của "趾" thường dùng chỉ "bàn chân; ngón chân". Chữ "趾" không có trong sách Thuyết văn, tức có khả năng chưa xuất hiện vào thời kỳ Đông Hán, lúc sách Thuyết Văn được xuất bản. Do đó, lập luận dùng chữ này gắn vào khái niệm Giao Chỉ có trước nó là có chỗ không thỏa đáng. (HVL)

(*4) Trong bản của ĐNHX chép là "Cao Dao Mô".

Cao Dao: tên một bề tôi của vua Vũ. Cao Dao mô (皋陶謨) là tên một thiên trong Ngu thư. (HVL)

(*5) Trong bản của ĐNHX chép là "ông nung chức".

Thiên I

MỤC THỨC⁽²⁰⁾

Bộ 1 – MỞ QUYỀN

(Bộ Mở Quyền của ĐẠI VIỆT MÔ)

Một pho sách làm nên, theo điều kiện hạn định trước tác của nó khó lòng giữ toàn được, cũng như khó lòng mà biểu hiện nhất quán cái tuyến mục lý tắc của nó theo trật tự tự nhiên.

Nếu theo trật tự lý tắc thì phải rất tung hợp, mà trong sự tổng tắc muốn hiểu hết luân quách thì phải nhiều phân tích.

Vì vậy bộ Mở Quyền có một tác dụng tích cực: đặt bày rõ ràng cái nhúm đầu của tất cả thể hệ chủ nghĩa Duy Dân triển khai thành phương án thực tiễn kiến quốc.

Cho nên cần có sự kiến tạo một tuyến mục lý tắc (chaine logique)⁽²¹⁾ hay một liên hoàn đồ⁽²²⁾ cho người ta có một thống quát liễu giải (aperçu général)⁽²³⁾ của chủ nghĩa. Ở đó đặt lấy một y quy tinh thần, đó là Mở Quyền vậy.

Thế nhưng công việc Cách Mạng và kiến quốc cũng như sự liễu giải của nó phải bằng toàn bộ tinh thần, chứ không riêng một phương diện gì, học vấn nào... Cho nên sự sửa soạn một cái điền địa tinh thần⁽²⁴⁾ bao quát cả ý chí, lý trí tình cảm, cũng thuộc về bộ Mở Quyền vậy. Cho nên chia làm bốn thiên:

Thiên nhất: Mục Thức.

Thiên nhì: Rửa Hồn.

Thiên ba: Nét Sơn.

Thiên bốn: Tuyến Mục.

Kết cấu vật chất của bộ Việt Sách gồm:

1. Tựa.
2. Lễ viết.
3. Tất (bằng chữ tắt) (?).
4. Bằng cú dấu (ponctuation)⁽²⁵⁾.

Học hội Thăng Nghĩa

5. Mục lục thông thường.

Nhưng chúng ta không thể yên lòng để chỉ làm một cái dàn bài kết cấu vật chất của bộ sách, mà đem gần (rapprocher) cái kết cấu vật chất vào cái kết cấu biện nhẽ, tức là Mục Lục Biện Nhẽ (tableau de matière raisonnée).

BỘ 2 - TỔ ĐẢNG⁽²⁶⁾

Tại sao sau bộ Mở Quyền đến bộ Tổ Đảng?

Một người Việt đọc xong bộ Mở Quyền, giải định tinh thần đã lập thành thì tức phải thức giác⁽²⁷⁾ lấy nhiệm vụ của thời đại bởi tự mình. Vì đó mà phát sinh ra Cách Mạng, có Cách Mạng mới có Kiến Quốc mới. Cho nên phải đi sát với Tổ Đảng mà tổ chức Cách Mạng bằng thành lập một tập thể, một tập đoàn có mục đích, có kỷ luật, có chính sách của nó.

Tập đoàn đó là Chính trị đảng hay Chính đảng. Cho nên Duy Dân đảng thành lập trên một tổ chức khoa học. Vì nếu không có một lực lượng làm động cơ công cụ và lập một vũ khí tinh thần cho dân tộc dẫn dắt và đào tạo phong trào Duy Dân cho quốc gia thì cả một lý tưởng "Cứu Quốc Tồn Chung" vẫn chỉ hoàn toàn là một lý tưởng mà không có cơ thành tựu được. Đó là bí quyết của bộ Tổ Đảng vậy.

Một mục đích tối cao của sự Tổ chức Đảng chính là để thực hiện mục đích siêu nhiên của dân tộc. Mà mục đích của dân tộc mà thực hiện được là bởi sự kiến thiết của quốc gia. Nếu đem bổ dọc lịch sử mà trút kín⁽²⁸⁾ lấy kinh nghiệm kiến thiết của các dân tộc qua các thời đại, thì nhận thấy trên cái thống tính có 4 quy mô:

- Quy mô Lập Học.
- Quy mô Thiết Giáo.
- Quy mô Kiến Quốc.
- Quy mô Đồng Nhân.

BỘ 3 - LẬP HỌC

Sự xây đắp quốc gia Việt phải đặt dưới tiền đề: Thành lập văn minh. Cái văn minh ấy thành lập được là do tác dụng của động cơ học thuật. Có học thuật mới thì mới có văn minh mới được. Cho nên trên

Học hội Thăng Nghĩa

tiến hóa ý thức của nước Pháp từ Rabelais⁽²⁹⁾ đến Descartes⁽³⁰⁾ ta trông thấy cả cái đà đẩy (élan) kiến quốc của họ. Cũng như xét lịch sử tiến hóa của Trung Hoa từ vua Nghiêu đến Khổng Tử thì ta có thể suy ra hết chính sách kiến quốc của dân tộc Hán trong giai đoạn ấy v.v...

Vậy LẬP HỌC là gì? – Là đào tạo công cụ, vũ khí tinh thần cho nòi giống trên quá trình sinh hoạt và đấu tranh.

Và lại nếu xét tổ chức của loài người trên bộ phận thực hiện thì thấy có hai hệ thống:

1. Tinh thần tổ chức.
2. Công tác tổ chức.

Hệ Thống Tổ Chức Tinh Thần chính là Lập Học. Cứ xem thể hệ lý luận nào thì có thể biết kết cấu văn minh dân tộc ấy. Vì lý luận nào thì tổ chức ấy, tổ chức nào thì hành động ấy, hành động nào thì phương pháp ấy, mà mục đích nào thì thủ đoạn ấy; hai thứ phạm trù (catégorie)⁽³¹⁾ trên không thể xa rời nhau được.

Bộ Lập Học thì ở trên thuần túy và phải được bổ sung bởi Huấn Phương và phương pháp học thuật của Lập Học phải đi dưới Tổ Đảng.

BỘ 4 – THIẾT GIÁO

Thiết Giáo là thiết lập một nền Giáo Dưỡng cho quốc gia. Lấy con mắt nhìn thật sâu sắc vào nội dung một tập thể sống còn của một xã hội thì nó là sự chuyển kiếp đời đời của Giáo Dưỡng. Nếu bỏ hết quy mô vật chất của kiến quốc thì chỉ còn quy mô Giáo Dưỡng mà thôi.

Và lại Văn Minh là gì? Văn minh là sự tiến hóa cách thức sống còn của Con Người. Mục tiêu và động cơ văn minh nhân loại là NGƯỜI và chỉ là NGƯỜI. Tất cả yêu cầu Kiến Quốc phải có Người mới được thực hiện. Tất cả yêu cầu thành lập văn minh kia cũng phải do Người mà nên. Vì vậy quy mô Giáo Dưỡng phải chiếm được địa vị xứng đáng trong cái triển khai kiến thiết.

Thiết Giáo trong Đại Việt Mô là ở trên thuần túy triết học và phương pháp thành lập chế độ đó. Còn sự cải tạo con người tức là mục đích thiết cận và cấp tốc cho quốc gia phải được bổ sung bằng Đại Việt Nhã và Huấn⁽³²⁾, có như thế bộ Thiết Giáo mới hoàn bị.

Học hội Thăng Nghĩa

BỘ 5 – KIẾN QUỐC

Lập Quốc tinh thần chính là Nhân Loại Cương Thường phải được đặt để làm nền tảng cho công cuộc cải tổ toàn bộ quốc gia. (Xem Duy Dân Cơ Năng trong *Duy Nhân Cương Thường*).

Những hành động của quốc gia và sinh hoạt của quốc dân, dưới sự phân tích của công thức và cơ năng Duy Dân phải được dàn bày thành những hệ thống ngang và dọc:

1. Hệ Thống Ngang

- a. Xã Hội kiến quốc.
- a. Chính Trị kiến quốc.
- c. Văn Hóa kiến quốc.
- d. Quân Sự kiến quốc.
- e. Kinh Tế kiến quốc.
- f. Ngoại Giao kiến quốc.
- g. Hình Thức kiến quốc.
- h. Chế Thức kiến quốc.

2. Hệ Thống Dọc

a. Cương Mục Chính Sách⁽³³⁾ trình bày theo trình tự thời gian tức là cương mục của các chính sách.

b. Cơ Chuẩn Chính Sách: Muốn thực hiện được mục đích tối cao của Kiến Quốc thời cần phải quy định những căn bản quốc sách. Thế nào là Căn Bản Quốc Sách? – Đó là chính sách của quốc gia thoát ly ra ở chủ nghĩa làm thành những chính sách bất di bất dịch.

Để thực hiện Căn Bản Quốc Sách, chúng ta phải nhận định căn bản về điều kiện bối cảnh và thời gian mà đặt định những phương án cho thích đáng với lâu dài tương đương, ấy là Cơ Chuẩn Chính sách.

c. Thời Hạn Chính Sách: Trong thời hạn tương đương ngắn, lại phải tiên liệu theo cái mục tiêu của Thời Cơ Luận, đó tức là Thời Hạn chính sách (xem Xuân Thu – *Huyết Hoa* và *Đảng Cơ*).

d. Lâm Thời Chính Sách: Nghĩa là chính sách phứt bỏ những cái kế hoạch làm cho công cuộc kiến thiết của ta có tính cách chun dẫn (élastique) để dễ dàng đối phó với hiện tượng lâm thời.

Học hội Thăng Nghĩa

Tất cả hệ thống ngang và dọc kể trên đặt vào một thống cảnh (vista) lâu dài của quốc gia ở trên cái tiến hóa của lịch sử. Đó là cơ năng của cương lĩnh kiến quốc, đặt để nắm giữ guồng trục biện chứng (axe dialectique) ở trong sự thực hiện kiến quốc bằng 3 thời kỳ:

1. Chuẩn Bị kiến quốc.
2. Quá Độ kiến quốc.
3. Quyết Định kiến quốc.

Vậy thì cương lĩnh kiến quốc là tất cả những phương pháp dẫn đạo văn minh chiếu ứng với tính cách đương biến của vận động sử mà đặt để sự thành công ở trong tay mình.

Thế nhưng, có cương lĩnh kiến quốc rồi chưa đủ, còn phải nhận xét cái nguyên tắc thứ đệ nhập dụng⁽³⁴⁾ (graduation de l'application) từ thuần túy vào thực tiễn của kiến quốc.

Quốc gia kiến thiết bằng phương châm lâu dài, nhưng mà thực hành phương châm kia là trông vào đặt để chính sách. Thành công hay không của chính sách, quyết định thành công hay không của phương châm; mà thành công hay không của chính sách lại trông vào kỹ thuật và thủ đoạn và kỹ thuật ứng thời (opportun).

Ngoài những chính sách kiến quốc, chúng ta còn phải kể đến những thủ tục của Chính Quyền (Chính Phủ). Có 4 nguyên tắc:

1. Trí Tuệ Chỉ Huy: Quốc gia nắm giữ và dẫn đạo phương châm. Sự hun đúc văn minh hoàn toàn tinh thần chứ không phải sự bao biện mà phá hoại tính chất tự động dân chủ của quốc dân.

2. Tầng Cấp Lập Thành: Các cấp địa phương sẽ tùy theo cấp ngạch của mình mà giám đốc công việc kiến quốc từ trên xuống dưới (thí dụ: Tỉnh coi Phủ, Huyện; Phủ, Huyện coi Tổng, Xã), nhưng có một tính cách rất co duỗi là tính cách Tự Trị (Huyện kiến thiết Huyện, Xã kiến thiết Xã) nhưng theo thống nhất quy mô của Trí tuệ Chỉ huy.

3. Tự Động Điều Chỉnh⁽³⁵⁾ (Self coordination des activités nationales).

4. Tự Dân Hoàn Thành: Chính là một thủ đoạn thành công của Duy Dân trong kiến thiết, lại còn là một điều kiện bảo chứng cho dân chủ tuyệt đối bằng áp dụng phương pháp tương hỗ chủ nghĩa (mutualisme) của đời Bình Sản Nguyên Thủy. Khi đã tự dân hoàn thành thì không cần đến cảnh sát, hay những cơ quan đàn áp của chính phủ

Học hội Thăng Nghĩa

nữa, vì người dân đã tự hiểu nhiệm vụ và bổn phận của mình trong quốc gia Tự Dân Thành Lập.

BỘ 6 – ĐỒNG NHÂN

Nghĩa là cùng với NGƯỜI, cùng sống với NGƯỜI. Địa vị quốc gia trong quốc tế cũng ví như địa vị cá nhân trong quốc gia, không thể vin vào lý do nào mà hốt thị⁽³⁶⁾ (négliger) nhân tố ấy được và sự thực hành một kiến quốc cho sáng suốt làm nền tảng phải trông vào nguyên tắc một chủ nghĩa quốc tế sáng suốt làm nền tảng cho một chủ nghĩa quốc gia sáng suốt.

Vì vậy chúng ta cần phải đứng trên nền tảng Cách Mạng của thời đại này mà đoàn kết các dân tộc bị áp bức vào một khối, thực hành những nguyên tắc Cùng Sống, Đồng Tiến, Ngang Hàng, Tiên Phong và Đồng Hòa. (Xem thêm "Tuyển Mục của Đại Việt Mô" trong *Duy Nhân Cương Thường*).

²⁰ **Mục Thức** (Mục: cái gì tiêu biểu hiện ra trước mắt, từng vấn đề trong một đề tài chung. Thức: kiểu cách, lẽ lối): Mục Thức là viết tắt của Tuyển Mục, Cương Mục và Trình Thức. Muốn trình bày sơ lược toàn bộ cuốn sách Đại Việt Mô gồm: Mở Quyển, Tổ Đảng, Lập Học, Thiết Giáo, Kiến Quốc, Đồng Nhân theo một lẽ lối, một phương hướng, một trình tự nhất định để người đọc có ngay được sự thống quát toàn bộ cuốn sách Đại Việt Mô.

²¹ **Tuyển Mục Lý Tắc** (chaine logique)

Trích Duy Dân Huấn Phương: "Tuyển Mục Lý Tắc là thể hệ lý tắc thuần túy". Ở đây tác giả muốn nói: làm thành một bản mục lục (tuyển mục) mà người ta chỉ nhìn thoáng qua là thấy ngay sự liên kết khăng khít một cách có hệ thống của chủ nghĩa.

²² **Liên Hoàn Đò** (Liên: liền với nhau. Hoàn: vòng quanh): Lập một biểu đồ để khi nhìn vào người ta có thể thấy ngay toàn bộ vấn đề có liên quan khăng khít với nhau.

²³ **Thống Quát Liễu Giải**: Một hệ thống tổng quát liên hệ với nhau một cách chặt chẽ giúp ta nắm vững ngay, hiểu thấu ngay toàn bộ vấn đề.

²⁴ **Điền Địa Tinh Thần** = Luân Quách (terrain: y khoa hay gọi là "cơ địa" đất nền) văn minh, (ý đồ) (?) khuynh hướng. Điền Địa (nền tảng) Tinh Thần: Cái tinh thần làm nền tảng cho những cái khác noi theo.

²⁵ **Bảng Cú Dấu** (punctuation): Cách chấm câu, cú điểm pháp.

²⁶ **Tổ Đảng**:

Bộ Tổ Đảng gồm 11 tập, đề ra những quy mô tổ chức của một đảng cách mạng để đáp ứng với nhu yếu thời đại của dân tộc Việt.

- Tập 1: Đảng Sách (kế sách, sách hoạch của Đảng).

Học hội Thăng Nghĩa

- Tập 2: Đảng Lược (mưu mô, phương lược của đảng).
- Tập 3: Đảng Thể (tổ chức thể hệ của đảng).
- Tập 4: Đảng Chế (phép tắc, chế độ – đảng chế tế tắc).
- Tập 5: Đảng Quy (quy định, quy phạm của đảng).
- Tập 6: Đảng Hiến (Cơ năng Hiến pháp).
- Tập 7: Đảng Giáo Vận (tuyên truyền cương lĩnh).
- Tập 8: Đảng Chiến (đảng quân sự hóa để chuẩn bị chiến đấu với quân thù địch).
- Tập 9: Đảng Quân Chính (chiếm lĩnh hành chánh).
- Tập 10: Đảng Cơ (thời cơ luận).
- Tập 11: Đảng Công (công bộ, công tác cách mạng).

²⁷ **Thức Giác:** Tỉnh ngộ, nhận thức ngay, rõ rệt được trách nhiệm của mình.

²⁸ **Trút Kín:** Dồn hết cả vào, hướng gợn lấy cho thật đầy.

²⁹ **Rabelair:** Francois Rabelais (1495-1553) nhà văn Pháp nổi tiếng với những bài viết đả kích đời sống xã hội bằng phong cách châm biếm thô tục.

³⁰ **Descartes:** René Descartes (1596-1650) là triết gia và nhà toán học lỗi lạc của Pháp.

³¹ **Phạm trù** (catégorie) (Phạm: khuôn phép, quy tắc. Trù: từng hạng, từng loại): Phân loại những sự vật, những hiện tượng trong tự nhiên và xã hội giúp khái quát hóa thành những khái niệm có những đặc tính căn bản nhất, những quan hệ phổ biến nhất.

³² **Đại Việt Nhã và Huấn:** Tập thơ Đạo Trường Ngâm của Thái Dịch – Lý Đông A, được xếp vào bộ Đại Việt Nhã. Còn Đại Việt Huấn gồm: Duy Dân Huấn Phương, Huấn Dục (Mở Quyển, Chìa Khóa Thăng Nghĩa, Chìa Khóa Công Việc...), Huấn Luyện (Tổ Đảng), Huấn Cáo (Chu Tri Lục, 4 bản Tuyên ngôn), Huấn Hồ (Từ điển...).

³³ **Cương Mục chính sách**

(Cương: phần lớn. Mục: phần nhỏ) giềng lưới và mắt lưới.

Trích “Cương Mục là thể hệ lý tắc trong diễn trình thực tiễn”.

“Chính Sách Cương Mục:

1. Học chuyên môn về tái thiết chính trị và hành chính của Duy Dân, từ Cách Mạng ra Kiến thiết, từ Đảng ra Nước. Phải thành lập nên Cương Mục của chính sách theo đúng cạp bìn của Cương mục chính sách Duy Dân.

2. Nên đem tất cả các hạng chính sách bài liệt theo cạp bìn của cương mục, tốt hơn nữa là phân môn, liệt loại cho thật tường tế tinh vi, khiến nom có thể biết ngay thừa thiếu. Lại sao cho đúng với cạp bìn kia áp dụng thẳng vào giai đoạn học của Duy Dân thông thường, khiến nom có thể đoán định được nên hay không nên hợp với giả định tình huống hay không hợp, vừa phát sinh tác dụng tích cực của kiểm thảo.

3. Chính sách phải lấy chủ nghĩa làm mẹ đẻ và lấy phương châm thực tiễn của chủ nghĩa định đoạt ra làm dẫn dắt, các chính sách thực hành thành hiệu thế nào còn trông vào kỹ thuật, phương án với thủ đoạn, thành lập nên Cương mục của phương án, kỹ thuật từng giả tưởng giai đoạn giúp ích cho quốc gia không nhỏ”. (Duy Dân Huấn Phương – Huấn Phương Cương Mục).

Học hội Thăng Nghĩa

³⁴ **Thứ Độ Nhập Dụng:** Áp dụng, vận dụng cương lĩnh theo trình tự hợp lý vào thực tiễn.

Trích: “Một trình tự phải được thành lập nên để luôn luôn làm mục tiêu cho nghiên cứu, cái trình tự đó là một “Thứ Độ Nhập Dụng” (Lập Học – Học Lý).

³⁵ **Tự Động Điều Chỉnh** (Self-coordination): (Tự Động: do mình tự làm, không cần phải có người khác thúc đẩy; Điều Chỉnh: sắp xếp lại, sửa lại cho đúng hợp).

Tự Động Điều Chỉnh là mỗi bộ phận (cơ năng) tự hoạt động, tự vận hành phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận khác trong toàn bộ một cơ chế (bản vị), có sự chỉ huy sáng suốt minh mẫn, kịp thời sắp xếp sửa sang lại khi có sai sót.

Trích: *Chu Tri Lục 7 – Vận Hội:*

“Sự chi phối được vận mệnh là bản tính Nhân Chủ của loài người bằng trí tuệ và tự giác viên mãn trong tự động điều chỉnh (self-coordination) và trí tuệ chỉ huy của quốc dân sinh hoạt và quốc gia hoạt động”.

³⁶ **Hốt Thị** (négligé): (Hốt: chợt, thành linh. Thị: thấy, nhìn thấy). Négligé: chảnh mông, bỏ qua, bỏ quên. Hốt Thị: chợt nhìn thấy hiện tượng nào một cách thoáng, qua không chú ý rồi bỏ quên luôn.

Thiên II

RỬA HỒN⁽³⁷⁾

Nhân cách có thành công thì Cách Mạng mới thành công. Tư cách của người Cách Mạng quyết định Quốc sách.

Người công dân phải đứng lên thệ nguyện và phải có phương châm năng lực hay phương tiện gì để thực hiện điều nguyện ước ấy. Phải có một tay lái tinh thần để gìn giữ cái ý chí chung thân không bị mai một, sự sa ngã của tinh thần với ma quỷ chỉ ở trong gang tấc giữ hay không giữ được cái sơ trung (tấm lòng lúc ban đầu).

Tay lái kia phải tìm tòi được ở trong một cái Chính Khí đã từng làm hoạt động ở trong một cái dây rợ sống máu tự xưa đến nay của giống nòi.

Nhưng sự bồi dưỡng cái Chính Khí là bằng cả một giác ngộ quốc hồn, thể nghiệm dân tộc, cả một phụ trách quyết tâm gánh vác nhiệm vụ của thời đại, kế thừa cái di sản của ông cha mà cũng bằng cả cái năng lực bản nguyện của giống nòi.

Vậy cần phải nhận chân những điều sau đây:

A. CHÍNH KHÍ: Chính khí trông thấy ở ngôn ngữ hành sử của cha ông. Muốn bồi dưỡng Chính Khí nên nghiên ngẫm:

Đại Việt Chính Khí ca, Quốc Sĩ lục, Tẩy Hồn lục. Một di chúc của cụ Phan Sào Nam⁽³⁸⁾. Bản tuyên ngôn của Lý Thái Tổ (Bình Ngô Đại Cáo). Sự tuần tiết của Trần Bình Trọng⁽³⁹⁾ đều là chính khí hiện thân.

B. GIÁC NGỘ NHÂN CÁCH và DÂN TỘC⁽⁴⁰⁾.

C. ĐẠO THỐNG VIỆT: Năng lực kín đầy ở Tổ hồn và Sử hồn là cái đạo thống (y bát) của quốc gia Việt (công cụ, vũ khí tinh thần bản lai của mình).

a. Tiên Rồng: Đời Hồng Bàng khi còn ở thời Totem thì triết học của nòi giống Việt biểu hiện ở Tiên Rồng. TIÊN là hình ảnh cao thượng, cửu trường sáng suốt (tinh thần), và RỒNG là hình ảnh của vật lộn,

biến hóa, sức lực (vật chất) của một ý chí và lý tưởng tối sơ của nòi giống là đặt một nền văn minh cao thượng, cứu trường sáng suốt.

Lấy phương pháp khoa học mà luận thì đó là một triết học Lưỡng Nguyên⁽⁴¹⁾ (dualisme): TINH THẦN và VẬT CHẤT. Khi văn minh Hồng Bàng đã thành thực, nghĩa là đã tiến từ Thần Tắc đến Đế Tắc⁽⁴²⁾ thì triết học của ta có phần cao rộng hơn triết học thế giới trên nền tảng thời đại ấy.

b. Sách Hóa, Sách Ước, Gây Thần: Cuối đời Hồng Bàng, SÁCH HÓA ở trong tư tưởng triết học ta là Bản Thể Luận⁽⁴³⁾ trắng tinh không có một chữ để biểu hiện Vô tận Khởi nguyên (causalité infinie), Vô tận Cứu cánh (finalité infinie) của Tạo hóa, cái tuyệt đối vận động trên tự thể (être ensoi). SÁCH HÓA mang áp dụng vào nhân loại là SÁCH ƯỚC. Động cơ của nhân loại là Nhu Yếu, khi cảm thấy một Nhu yếu thì có một ước nguyện, muốn thực hiện ước nguyện đó phải khám phá Bản Thể trắng tinh của vũ trụ. SÁCH ƯỚC đó là Phương Pháp Luận và Sáng Tác Luận của nòi giống Việt vậy.

Áp dụng vào Nhân Sinh Quan, cái khái niệm triết học trên thể hiện vào hình thức: GÂY THẦN đầu Sinh và đầu Tử, Thị và Phi, Thiện và Ác, Lợi và Hại, Âm và Dương...

Mà sự vận động hỗ tương của 2 Âm cực và Dương cực yêu cầu một thể cách Triết Trung⁽⁴⁴⁾, đó là Nhân Sinh triết học của ta vậy.

c. Ở kiến trúc LOA THÀNH, ta đã giác ngộ được cái biện chứng về tiến hóa từng phát sinh ở bối cảnh Lục Lương vận động⁽⁴⁵⁾. Lục Lương vận động có hai mặt: đối ngoại dân tộc cách mạng, đối nội quý tộc cách mạng.

Đừng tưởng Đạo Thống của ta hết ÂU LẠC là dứt hẳn, trái lại nó vẫn tiềm tàng ẩn hiện ở đáy tầng quốc dân mà nó phát biểu ra bằng những hình thức tôn giáo thô kệch với những phiên dịch thần bí (interprétation mystique). Ví dụ: Vuốt RỪA là tượng trưng.

³⁷ **Rửa Hồn:** Để "Cứu Quốc Tồn Chung" và nhất là để việc Kiến Quốc thành công lâu dài, cần phải có những con người mới có đầy đủ nhân cách, thể cách và phong cách mới. Những con người ấy phải tự bồi dưỡng chính khí Việt qua thơ văn của các bậc minh quân hiền thánh, các chí sĩ cách mạng, qua gương sáng của các anh hùng liệt sĩ, phải tự đào luyện nhân cách và dân tộc tình

thần, phải hàm dưỡng được đạo thống Việt, còn phải tự gột rửa tâm hồn mình:

Trích:

"A. Gột rửa những trầm trệ bệnh của tâm lý về lịch sử (quá khứ): thù oán tổ tiên, miệt thị tổ tiên, quên bỏ tổ tiên, kiêu nịnh tổ tiên, lằm lẩn nguồn gốc".

"B. Gột rửa hết những trầm trệ bệnh tâm lý về hiện tại: thù ghét xã hội, quảng phiếm xã hội, giai cấp đơn độc, cá nhân đơn độc, dân tộc đơn độc, thế hệ đơn độc".

"C. Gột rửa những trầm trệ bệnh của tâm lý về tương lai: cấu thả sinh hoạt, bạo khí sinh hoạt, thiên khích sinh hoạt, dao động sinh hoạt".

"D. Mấu cứ của tin tưởng trên lịch sử: quyền lợi đương nhiên, đoàn thể dân tộc, tư cách lịch sử, lập trường siêu nhiên, đường đi cổ gốc, chủ trương thẳng nghĩa"... (Xem thêm: *Bồn gột rửa* của phần Hồi ơi Tâm lý Thần Linh Học trong tập Tiểu Luận Thăng Nghĩa).

³⁸ **Phan Sào Nam** (1867-1940): Chí sĩ Cách Mạng, nguyên tên Phan Văn San, sau đổi là Phan Bội Châu. Ông có nhiều biệt hiệu, nhưng Sào Nam được nhiều người biết và nhớ nhất. Ông là con ông Phan Văn Phổ và bà Nguyễn Thị Nhàn, quê làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ngay từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh và nhiệt tình yêu nước. Năm 17 tuổi đã viết bài hịch "Bình Tây Thu Bắc" và cùng Trần Văn Lương thành lập đội Sĩ Tử Cần Vương ở quê nhà. Năm 1900, ông đỗ Giải Nguyên tại trường thi Nghệ An, từ đó giao kết với chí sĩ khắp nơi. Năm 1904 thành lập hội Duy Tân và cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi Nhật Bản gây dựng phong trào Đông Du, ông sang cả Thái Lan vận động xây dựng Cách mạng. Năm 1911, ông lập hội Việt Nam Quang Phục sau đổi thành Đảng Việt Nam Quốc Dân năm 1922.

Năm 1926, ông bị tay sai Pháp bắt cóc tại Thượng Hải, giải về nước. Chúng định đưa ông ra tòa kết án chung thân khổ sai, nhưng nhân dân toàn quốc biểu tình đòi ân xá. Toàn quyền Varenne buộc lòng phải ra lệnh ân xá, nhưng phải an trí ông ở Bến Ngự (Huế), từ đó ông còn có biệt danh là "Ông già Bến Ngự".

Thơ văn của ông đa số đều có nội dung cảnh tình quốc dân nên được phổ biến sâu rộng trong quần chúng, khích động lòng yêu nước của biết bao thanh niên tham gia Cách Mạng kháng chiến đánh đuổi quân xâm lược Pháp.

Ông để lại gần 40 tác phẩm, các tác phẩm gây xúc động và ấn tượng nhất là:

- Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư. Việt Vong Thảm Trạng.
- Hải Ngoại Huyết Thư.
- Việt Nam Vong Quốc Sử.
- Việt Dân Tộc Văn Minh Khởi Điểm Sử...

³⁹ **Trần Bình Trọng** (1259-1295): Tổ tông ông vốn dòng dõi Lê Đại Hành, đến đời ông nội ông được vua Trần Thái Tông cho theo họ Trần. Ông quê xã Bảo Thái, huyện Thanh Liêm, thuộc tỉnh Nam Định.

Khi quân Nguyên sang cướp nước ta, kinh thành Thăng Long thất thủ, Hưng Đạo Vương rước vua Trần Nhân Tông và Thái Thượng Hoàng ra Hải Dương chuẩn bị lực lượng chống giặc, ông được phân nhiệm vụ ở lại Thiên Trường để

Học hội Thăng Nghĩa

ngăn chặn Thoát Hoan. Ông cùng đồng đội chiến đấu anh dũng, nhưng thế cùng lực tận, ông bị giặc bắt ở bãi Túc Mặc, huyện Đông Anh. Giặc dụ ông nếu chịu hàng sẽ được phong tước Vương, nhưng ông khảng khái đáp: "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm Vương đất Bắc". Ông bị giặc giết khi mới 36 tuổi, được vua Trần Nhân Tông truy phong tước Bảo Nghĩa Vương năm 1295.

⁴⁰ **Giác ngộ Nhân cách và Dân Tộc:** Muốn giác ngộ phải tìm tòi học hỏi thực hành, phải biết tu dưỡng.

Trích:

- "Tu Dưỡng Nhân Cách của mình theo Dân tộc nhân cách: văn nhã, hào hùng".

- "Tu dưỡng Hành động của tự mình thành Dân tộc hành động cứu quốc tồn chủng, độc lập, thống nhất, Thăng Nghĩa, Kinh Dương".

- "Tu dưỡng cái tinh thần Kinh Dương, Vạn Thắng, Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Sào Nam... Hãy tự mình làm sợi dây liên lạc với quá khứ cùng tương lai cho dân tộc"...

- "Nếu Giáo dưỡng là để Kiến thiết toàn thể xã hội, thì Trung tâm Tu dưỡng là để Kiết thiết Cá Nhân và Dân Tộc với thực hiện Cá Nhân và Dân Tộc. Giáo dục chủ yếu là suy động và hành động mà đối tượng của Tu dưỡng là bồi dưỡng Cá nhân tinh thần và Dân tộc tinh thần. Hành động nhất định là duy trì và suy động bởi tinh thần (*Chìa Khóa Của Công Việc* – Những Nguyên lý của Trung Tâm Tu Dưỡng).

⁴¹ **Lưỡng Nguyên** (dualisme) (còn gọi là Nhị Nguyên Luận): Đem hai nguyên lý độc lập, khác biệt nhau ra giải thích hết thảy hiện tượng và sự vật trong vũ trụ như Âm với Dương, Tinh Thần với Vật Chất, Tự Nhiên với Thần Linh... ở ta là Tiên với Rồng.

⁴² **Thần Tắc đến Đế Tắc:**

Thần Tắc: Thời kỳ loài người còn sống theo bộ lạc, tin tưởng rằng tông tộc của mình, bộ tộc của mình được sinh ra do một con vật linh thiêng nào đó, và con vật đó được lấy làm biểu tượng (totem). Đây là thời kỳ Đa Thần.

Đế Tắc: Khi các bộ tộc kết hợp lại thống nhất thành quốc gia do một vị vua lãnh đạo (quân chủ), loài người tiến tới quan niệm cho rằng tất cả mọi hiện tượng, mọi sự vật đều do một vị thần sản sinh ra. Vị đó là chúa tể, là tạo hóa cai quản tất cả - thời kỳ Độc Thần.

Trích: "Thời kỳ Thần Tắc còn phảng phất di tích và nguyên lai động vật, do đó cái tập tục Hèm (Totem) áp dụng vào một tập thể sinh tồn quốc gia nhỏ (tribu = bộ lạc tông tộc). Song dần dần quan niệm đa thần ấy biến đổi và đặt định duyên khởi vũ trụ trong tay một vị thần tối cao cả thiêng liêng. Quan niệm thống nhất này được chuyển sang thời kỳ Đế tắc (Thần Đế Kỳ Tắc): người Hy Lạp gọi là Zeus, người Hồi gọi là Allah, người Ấn gọi là Brahma, người Do Thái gọi là Yéhovah, người Tàu gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế..." (*Triết Học Chính Thống*).

⁴³ **Bản Thể Luận:** Học thuyết chủ trương nghiên cứu về các hiện tượng các sự vật dựa trên bản thể của vũ trụ.

Học hội Thăng Nghĩa

⁴⁴ **Triết Trung** (Triết: sáng rõ, hiểu biết, có trí tuệ. Trung: ở giữa, ngay thẳng không thiên lệch). Triết Trung là đạo sống, là nhân sinh quan của người có trí tuệ, luôn sáng suốt hành xử dung hòa trước mọi sự việc, với mọi người, mọi nơi, mọi lúc, không thiên lệch, không bất cập, không thái quá.

⁴⁵ **Lục Lương Vận Động**: Tần Thủy Hoàng sau khi thống nhất đất nước Trung Hoa lập ra nhà Tần, xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn cản quân Hung Nô ở phía Bắc và sửa soạn tấn công về phía Nam để thôn tính Bách Việt.

Nhà Hồng Bàng đã suy nhược, Thục Phán là miếu duệ của vua Hùng đã dùng áp lực chính trị và quân sự sát nhập Lạc Việt và Âu Việt lập ra nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương.

Năm 218, nhà Tần phái Đồ Thư, Sư Lập đem 50 vạn quân chia làm 5 đạo tiến chiếm Bách Việt. Hai đạo quân thứ 4 và 5 diệt được Đông Việt (Triết Giang), Mân Việt (Phúc Kiến), Nam Việt (Quảng Đông). Tần Thủy Hoàng phong Nhâm Ngao cai trị.

Còn ba đạo quân 1, 2, 3 đích thân Đồ Thư chỉ huy cùng Sư Lập, Giám Lập Khai, Kênh Linh tiến sâu vào Âu Lạc.

An Dương Vương vận động một số các bộ tộc Việt trong Bách Việt cùng đứng lên chống quân xâm lược. Phong trào này gọi là LỤC LƯƠNG (6 giống cứng cổ) dùng du kích chiến giết được Đồ Thư, Sư Lập, tiêu diệt toàn bộ 3 đạo quân Tần (Trích "Lý Đông A và Công Cuộc Cách Mạng Dân Tộc" – Hồi ký của Thái Hùng B).

Thiên III

NÉT SON⁽⁴⁶⁾

Người dân Việt sau khi đã được rửa gột linh hồn thì cả bầu tâm huyết nở hoa (fleurir) một hình tượng chủ nghĩa (symbolisme) là tinh túy của một văn minh đã kỹ hà học hóa, đời đời mang những nét vẽ u diêu vào tâm hồn người Việt. Ví dụ: chữ "VẠN" (Swastika)⁽⁴⁷⁾ hay Thái Cực Đồ⁽⁴⁸⁾ là những nét u diêu trong linh hồn của một thời đại văn minh đã đọng kết lại (condensé).

Cho nên nòi giống Việt trên kiến quốc và tự lực, để là biểu hiệu tối cao cho quốc gia, cũng phải đem hết ý tưởng chuốt lọc lại thành hình nét:

A. Thứ nhất là chữ VẠN VIỆT (.....) (*6): hình RỒNG, cánh PHƯỢNG (cũng là biểu tượng của vòng xoáy tiến hóa Việt).

B. Thứ hai là VĂN MINH VIỆT biểu hiện trên cái đường lối kỹ hà học của địa động⁽⁴⁹⁾ (géographie de défense nationale) sử Việt.

Theo địa lý quốc phòng, Anh có Système 3C, Đức có Système 3B.

Theo quan điểm trên thì ta có thể hình tượng quốc sách của ta vào hình ảnh sau đây:

Nền đỏ:

- Chữ Vạn Việt (.....) [xem đảng kỳ] trắng hình Rồng, cánh Phượng.

- 3 sao trắng 5 cánh: Nhân Bản, Nhân Tính, Nhân Chủ.

- 6 gạch trắng: Dân Tộc, Dân Đạo, Dân Văn, Dân Sinh, Dân Trị, Dân Vực.

Trong hình tượng đó, ta hình dung núi Tản, sông Hồng lớn (tượng trưng cho non sông Việt, theo quan niệm thượng thức) và núi Tản sông Hồng nhỏ (nơi phát tích Tổ Việt) với những nét vẽ tượng trưng RỒNG và RỪA, và ta hình dung cả con đường THƯỢNG ĐẠO là con đường quốc phòng nối liền núi lớn với núi nhỏ. Hình tượng đó lại còn tượng trưng Núi Trắng (Nga Mi) có hình vẽ khắc hèm (inscription totémique). Nhớ

Học hội Thăng Nghĩa

câu của Cao Biền: “*Bạch sơn, lục thủy chi gian, tất hữu Hoàng y xưng trẫm*” (giữa khoảng núi trắng sông xanh, tất sẽ có người mặc áo vàng xưng làm vua).

C. Thứ ba là CỜ: Nền đỏ, 6 vạch trắng, ở góc đầu có chữ Vạn Việt (.....) và 3 sao trắng.

a. Màu sắc.

- Màu đỏ: Tượng trưng cho Rồng, là cha Lạc Long Quân, cũng biểu tượng cho sức mạnh đấu tranh quật cường không ngừng nghỉ để sống, còn, nổi, tiến, hóa.

- Màu trắng: Tượng trưng cho Tiên, là mẹ Âu Cơ, cũng biểu tượng cho tính cách trong sáng, cao thượng, cho sự hòa hợp, thương yêu, thông cảm.

b. Chữ Vạn Việt (.....) trắng⁽⁵⁰⁾ (Phần Duy Nhiên).

Mình Rồng cánh Phượng (Tiên), nét dọc: đất nước hình chữ S; nét ngang: đường long mạch chính chạy dài từ cao nguyên Trấn Ninh qua vùng Thanh Nghệ ra biển Đông, cũng biểu tượng cho các sự vật trong vũ trụ đều chuyển động không ngừng nghỉ theo dòng tiến hóa xoáy tròn ốc có nút tết, vũ trụ tự nhiên mang tính chất Vô Nguyên và Đương Nhiên Tương Đối. Tự nhiên không biết đầu là bắt đầu (vô hạn duyên khởi), không biết đâu là cuối cùng (vô hạn cứu cánh), bao gồm vô hạn các chất và lượng (vô hạn lượng tính), luôn luôn biến đổi và tác động lẫn nhau để hình thành và làm tan rã mọi sự vật theo những quy luật và cách thức cũng vô hạn (vô hạn phương trình thức).

c. 3 sao trắng (phần Duy Nhân) tượng trưng nền tảng kiến quốc của Duy Dân.

Ngôi sao lớn là sao Việt (Vượt) ở vào vị trí trên góc trái lá cờ, tượng trưng Nhân Bản.

2 ngôi sao nhỏ hơn là sao Hâm sao Mai, biểu tượng hai mặt đối lập thống nhất có sẵn trong mọi sự vật, cũng tượng trưng Nhân Chủ, Nhân Tính⁽⁵¹⁾.

(Đoạn này từ a, b tới c chúng tôi trích lược ở bài “Ý Nghĩa và Hình Thức Đảng Kỳ Đại Việt Duy Dân” của cụ Thái Đình Nhân viết khoảng đầu thập niên 70).

Học hội Thăng Nghĩa

d. Còn 6 gạch trắng (phần Duy Dân) là sáu cương lĩnh kiến quốc (Lục Dân chính sách).

1. Phục Hưng Dân Tộc: Điều kiện nhân chủng thẩm thấu vào Dân Cấn.

2. Phát Dương Dân Đạo: Nền tảng xã hội tự tính vào thực tiễn (Dân Đức: đức tính của dân tộc).

3. Sáng Hóa Dân Văn: Tự trị sáng tạo Nhân luân trong dân tộc (organisation nationale) và phân công trong Dân tộc (organisation civile).

4. Quảng Đại Dân Sinh: Kinh tế Bình Sản.

5. Chinh Sức Dân Trị: Chính trị biên chế.

6. Trọn Vẹn Dân Vực: Phương vực bao hàm lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không, lãnh tiềm (hoạt động dưới nước) (*7), thí dụ: radio, tàu ngầm...

Quốc gia Việt là kiến thiết thành công đứng vững trên ba nền tảng NHÂN và hạn định bởi sáu điều kiện DÂN. (Đọc thêm phần Bản Chương trong *Duy Nhân Cương Thường*).

⁴⁶ **Nét Sơn:** Đó là đạo thống Tiên Rồng, là Thần Khí Gậy Thần, Sách Ước, Vuốt Rùa, Thành Loa, Bông Lau Đốt Trúc... đã được kỹ hà hóa học, hình tượng hóa thành:

- Chữ Vạn Việt (.....): Minh Rồng cánh Phượng, biểu tượng cho Vũ Trụ quan Duy Nhiên, vô nguyên đương nhiên chân lý.

- 3 ngôi sao: Tam Nhân nền tảng (Nhân Bản, Nhân Chủ, Nhân Tính), biểu tượng cho Nhân Sinh quan Duy Nhân, nhất nguyên tuyệt đối chân lý.

- 6 gạch trắng: Lục Dân chính sách, biểu tượng cho Dân Sinh Thực hiện quan Duy Dân, đa nguyên tương đối chân lý.

Tất cả đã được đúc kết chuốt lọc lại thành lá cờ quốc hồn, quốc túy của nền văn minh Đại Nam Hải Liên bang.

⁴⁷ **Chữ VẠN** (.....) (Swastika, sauvastika): Là biểu tượng cho Vô Thường, cho sự không dừng nghỉ của nguyên lý sinh tồn tục tiến hóa trong vũ trụ. Là dấu hiệu của may mắn, tượng trưng cho hảo tướng của Phật, là biểu tượng của bánh xe pháp luân. Trong Thiền, chữ Vạn tượng trưng cho "Tâm ấn của Phật". Khi nói Vạn Pháp là có ý nghĩa Pháp Phật vô lượng vô cùng, vô biên, không ngăn ngại.

⁴⁸ **Thái Cực Đồ** (.....): Từ vô cực (KHÔNG = chỉ khí hỗn độn nguyên thủy) sinh ra Thái Cực (CÓ). Thái Cực sinh lưỡng nghi (Âm Dương = Trời đất, nóng

lạnh, hạn hán lũ lụt). Lưỡng nghi sinh Tứ Tượng (4 mùa). Tứ Tượng sinh Bát Quái (Trời, đất, gió, sấm, nước, lửa, núi, đầm). Bát Quái sinh vạn vật (64 quẻ), biến hóa vô cùng.

⁴⁹ **Địa Động:**

Trích:

- "Địa động là sự vận dụng hình thể đạt theo những biến thiên xã hội và lịch sử. Song giá trị của những hình thể cũng còn tùy theo từng thời đại" (*Sấm Khảo*).

- "Nguyên Thế Địa Động: Sự tự do thông thương, sự đặt định các công hải trên các điều kiện đặt định nào, phải phù giúp vào sự khai thông của các quốc gia đối với thực hành cương thường nhân loại" (*Duy Nhân Cương Thường – Bản Chương: Chủ Nghĩa Duy Dân*).

⁵⁰ **Chữ Vạn Việt:** Khoảng đầu thập niên 70, có lần chúng tôi đã hỏi cụ Thái Đình Nhân:

- "3 ngôi sao và chữ Vạn Việt ở góc bên trái lá cờ thì có hình (.....), đó là ta nhìn ở mặt trước, còn mặt sau lá cờ thì sao? Nó sẽ có hình tượng thế nào? Và ý nghĩa ra sao?". Cụ trả lời:

- "Ở mặt sau thì 3 ngôi sao và chữ Vạn Việt nằm ở góc trên bên phải lá cờ và đương nhiên nó có hình ngược lại (.....) và gọi là chữ VÃN. Vạn là tỏa rộng ra, Vãn là hồi phục quy tụ lại. TẢN VIÊN cũng mang lại ý nghĩa ấy. Đó là chân lý Đương Nhiên Lưỡng Nhất Tính trong vũ trụ tự nhiên vô thường luôn biến động".

⁵¹ **Ba nền tảng NHÂN** (Nhân Bản, Nhân Tính, Nhân Chủ).

Trích "*Mở Quyển*":

1. **Nhân Bản:** Tất cả loài người cùng một tính chất, vậy loài người tự do bình đẳng ngang nhau. Không có dân tộc này là thầy dân tộc khác. Một dân tộc tiến bộ phải giúp đỡ dân tộc khác tiến tới, không được đàn áp bóc lột. Dù da đen, đỏ, trắng, vàng; loài người vẫn chỉ là một.

2. **Nhân Tính:** Con người có những tính giống nhau, ấy là Xã hội tính, Nhu yếu tính và Sắc tính. Ba tính ấy [lấy tiêu chuẩn] là Hoà, Bình, Trinh giải quyết bằng Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Cách.

3. **Nhân Chủ:** "... Đời sống xã hội của Con Người phải tự mình giác ngộ lấy cái phải mà làm, đừng để câu thúc. Nhân Chủ là tự mình phải điều khiển lấy mình bằng chỉ đạo của mình..."

Phụ chú:

(*6) Chữ Vạn Việt: giống hình chữ S dài, ở khoảng 1/3 từ trên xuống có gạch ngang và hai vạch nhỏ hai bên, vạch bên trái chia lên, bên phải chia xuống (như thanh ngang của chữ Vạn Phật giáo). (HHTN)

(*7) Trong bản của ĐNHX chép là "(tiềm tàng)".

Tiềm (潛): lặn, hoạt động dưới nước; đây là nghĩa thường dùng trong tài liệu Lý Đông A tiên sinh. Đọc thêm "*Duy Nhân Cương thường*". (HVL)

Học hội Thăng Nghĩa

Thiên IV

TUYỂN MỤC

Tuyển Mục là một cái “chaine logique” của chủ nghĩa đem dựng bày trong sáng tác của ĐẠI VIỆT MÔ. Muốn hiểu biết một cách triết học và khoa học phải có Tuyển Mục.

Cần phải hiểu bối cảnh thuật tác (thuật: giải thuật; tác: trước tác) trong sự thành lập Đạo Thống Duy Dân.

Thuật tác: Lấy tổ là Lạc HỒNG, Tông là BÁCH VIỆT, kiến thuật được cái Đại Tự Nhiên trên ba phạm trù: DUY NHIÊN, DUY NHÂN, DUY DÂN, tập đại thành ý thức của toàn thể thế giới và phát triển đức tính của tự mình.

Mục đích là “Cứu quốc và Tồn chủng”(*8) mở cái dây rợ cho con cháu về sau.

Thuật tác ấy bao hàm chủ nghĩa Duy Dân mà thành lập nên 9 Cương lĩnh Cách mạng là 9 nguyên tắc chỉ đạo sự thành lập một chương trình Cách Mạng Kiến Quốc.

Cương Lĩnh 1: “Quốc Tế Biên Tế Phát Triển” khám phá đời sống thế giới và quốc gia một cách khách quan trên sinh hoạt bình diện và lập thể nhân loại, trong lịch sử thống nhất từ cổ chí kim chia ra từng giai đoạn (cương lĩnh “Quốc Tế Biên Tế Phát Triển”: développement marginal).

Đi đến sự nhận xét khách quan đó thì ta mới biết được khuynh hướng tính cách và vận động chính trị của thế giới trong một giai đoạn nhất định mà quyết định lộ tuyến chính trị của quốc gia Việt trong quãng thời gian đó.

Văn minh thế giới ngày nay, kể từ thời Phục Hoạt (Renaissance) có thể chia thành những giai đoạn này:

Phục Hoạt đến thế kỷ 19:

1870-1919

Học hội Thăng Nghĩa

1919-1939

1939-1950

1950-2000

- Từ 1939 đến 1940 chiến tranh bùng nổ cho đến khi Đức bại Pháp, thế giới hướng về phe Trục ta chỉ trông thấy con đường đi của nòi giống Việt quặn quại dưới áp bức của Pháp chưa có cơ hội quật khởi. Nhưng từ khi Pháp thua trận và Nhật kéo quân vào đất Việt thì ta thấy manh nha những cuộc dân tộc vận động thành nền tảng cho công cuộc giải phóng ngày nay.

- Từ năm 1940 đến 2000, nếu dựa vào bối cảnh quá khứ và hiện tại mà khám phá ra đời sống thế giới trong khoảng thời gian đó, thì ta có thể vạch được lộ tuyến chính trị tương lai của quốc gia Việt.

- Từ năm 1949 đến 1950 quyết định lộ tuyến quốc tế và công cuộc cứu quốc của Việt.

- Từ năm 1950 đến 2000 quyết định lộ tuyến quốc gia ở trong đời sống quốc tế.

Cương lĩnh 2: “Dân Tộc Căn Bản Lập Trường” tức là miếng đất cội gốc của dân tộc, có quyết định được lập trường cội gốc thì nhiên hậu mới có xuất phát điểm nghiên cứu khách quan để hướng dẫn quốc gia trong thế giới khỏi bị lầm lạc.

Xét lịch sử biến chuyển của dân tộc Việt:

- Từ năm 1800 trở lên Việt thuộc phạm vi Á Đông.
- Từ năm 1800 trở xuống Việt thuộc phạm vi thống nhất thế giới, cho nên từ năm 1800 trở xuống phải lấy Thế giới làm Bản vị.
- Từ năm 1865 trở xuống, Việt ở trong phạm vi đế quốc Pháp.
- Từ 1940 đến 1950 với phát sinh thế giới chiến tranh, vận mệnh Việt giằng co với thế giới nghĩa là bị Quốc Tế Hóa.
- Từ năm 1950 đến 2000 ta cần phải trông vào sự nghiệp cách mạng của ta để kiến thiết một nền độc lập chân chính.
- Từ năm 1940 đến 1950 quyết định lộ tuyến quốc tế và công cuộc cứu quốc của Việt.

Học hội Thăng Nghĩa

- Từ năm 1950 đến 2000 quyết định đời sống quốc gia trong đời sống quốc tế.

Theo đó ta nhận thấy rằng từ 1940 trở đi, Căn Bản Lập Trường Quốc Gia Việt phối hợp với Biên Tế Phát Triển Thế Giới, vạch ra những phương châm cứu quốc và kiến quốc.

Trên đây chúng ta nghiên cứu chủ quan trên hình thức, nay ta lại phải kiểm thảo chủ quan trong nội dung xã hội Việt thì mới đặt để được nền tảng công cuộc Cách Mạng Việt.

Cương Lĩnh 3: “Xã Hội Kết Cấu của Dân Tộc” nghiên cứu kết cấu xã hội Việt để đặt nền tảng cho cách mạng xã hội, đem cái nền tảng ấy hình dung bằng công tác lập thể kỷ hà học (géométrie dans l’espace) thì thấy hình bóng chế độ tương lai.

Cương lĩnh 4: “Dân Tộc Dân Chúng Yêu Cầu” nghiên cứu triết lý dân chúng từ bình diện đến tập thể cũng bằng công tác của lập thể kỷ hà học thì trông thấy phản ảnh của xã hội học tương lai.

Từ Cương lĩnh thứ 4 trở lên Cương lĩnh 1 là thuộc về phạm vi Cách Mạng, nhưng mục đích chính của Cách Mạng là Kiến Thiết. Vậy phải nghiên cứu nền tảng khách quan của Quốc Tế Văn Hóa Thời Đại.

Cương lĩnh 5: “Quốc Tế Văn Hóa Thời Đại” khám phá thời đại văn hóa quốc tế: văn hóa quốc tế tiến qua những giai đoạn có những tính chất và tính cách khác nhau. Thí dụ: từ 1919 đến 1939 là một giai đoạn có những tính chất riêng. Từ 1939 đến 1950 văn hóa quốc tế qua một giai đoạn khác. Từ 1950 đến 2000 văn hóa quốc tế sẽ có một xuất lộ khác nữa.

Có hiểu được văn minh thế giới thì mới có thể vạch được con đường tiến triển của văn hóa Việt để theo kịp hay tiến hơn người ta được.

Cương lĩnh 6: “Dân Tộc Văn Hóa Thủy Chuẩn” khám phá cái thủy chuẩn⁽⁵²⁾ văn hóa qua thời đại đem so sánh với văn hóa của mình để nắm được then chốt của cuộc tiến hóa mà theo kịp hay tiến hơn người ta, đó là tất cả các viễn cảnh của công cuộc kiến thiết tương lai của giống nòi. Ta có thể phác họa tiến triển của văn hóa thế giới và văn hóa Việt từ 1919 đến 2000 bằng cái hiện đồ (graphique).

Cái hiện đồ này hình dung sự cố gắng của văn hóa Việt, lấy xuất phát từ điểm 1950, gắng gỏi tiến triển cho đến 2000, để hoặc theo kịp hoặc tiến triển hơn văn hóa thế giới.

Cương lĩnh 7: “Quốc Gia Chính Trị Phương Châm” như đã nói trên 4 cương lĩnh đầu thuộc về Cách Mạng, 2 cương sau thuộc về Kiến Thiết; đem 6 cương lĩnh phối hợp với nhau, để vạch ra những phương châm chính trị của nòi giống từ Cứu Quốc đến Tồn Chung, đó là cương lĩnh 7.

Chủ nghĩa Duy Dân phát sinh là do kết quả nghiên cứu thông qua 6 cương lĩnh Cách Mạng và Kiến Thiết. Đứng theo biện chứng mà nói thì đó là vận dụng Quy Nạp phần của chủ nghĩa.

Cương lĩnh 8: “Đấu Tranh Cương Lĩnh”: “Sự thực hành những nguyên tắc chỉ đạo trên kia phải y cứ vào một hiện đồ có con số và điểm tuyến mà thi thố ra bằng những chương trình thực tiễn xác thực và bách chân. Đây là phần ứng dụng quan hệ nhất” (đoạn này trích ở phần tóm lược của *Chu Tri Lục 3*).

Cương lĩnh 9: “Kiến Quốc Quy Mô”: thời kỳ đấu tranh sang đến thời kỳ thành lập kiến thiết chính trị quy mô.

Trong sự thành lập chủ nghĩa Duy Dân, Quy Nạp phần là 6 cương lĩnh đầu, Diễn Dịch phần là 3 cương lĩnh sau; Hiệu Quả phần là cả cái tiên kiến (*9) bằng điều kiện thực tiễn của Duy Dân mà hoàn thành.

Xem đó thì biết Chính Trị là một khoa học kỹ-hà-học vậy. (Xem thêm *Chu Tri Lục 3*: 9 cương lĩnh của Cách Mạng Việt).

Duy Dân Biện Danh: Để khám phá kết cấu của Duy Dân trên thuần túy ý thức có:

Duy Dân Lý luận thành lập đồ.
Duy Dân Trước tác thành lập đồ.

XY Lý Đông A
1945 (4826 TV)

⁵² **Thủy Chuẩn**: Người thợ xây thường căn cứ vào mực nước ở thủy bình kế để làm chuẩn mực cho việc xây dựng các công trình kiến trúc.

Phụ chú:

(*8) Trong bản của ĐNHX chép là “Cứu quốc và Tồn chủng”.

(*9) Tiên kiến: thấy trước, biết trước.

Đào Duy Anh, 2005. *Hán Việt Từ Điển*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Tr. 688.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Việt Nam Sử Lược – Trần Trọng Kim, TT Học Liệu SG 1971
2. Tinh Hoa Ngũ Điển – Kim Định, Nguồn Sáng SG 1973
3. Lạc Thư Minh Triết – Kim Định, Nguồn Sáng SG 1971
4. Dịch Kinh Linh Thể (Kim Định - Ra Khơi Nhân Ai 1970)
5. Loa Thành Đồ Thuyết (Kim Định Thanh Bình 1973)
6. Đạo Sống Việt – Tủ Sách Việt Thường – Houston Texas 2000
7. Việt Sử Siêu Linh – Hạ Long Lưu Văn Vịnh – California 1998)
8. Việt Nam Từ Điển – Hội Khai Trí Tiến Đức 1954
9. Hán Việt Tân Từ Điển – Hoàng Thúc Trâm – Hoa Tiên 1974
10. Từ Điển Tiếng Việt – NXB Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1988
11. Từ Điển Từ và Ngữ Việt Nam – Nguyễn Lân – NXB TpHCM 2000
12. Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt nam – NXB Tổng Hợp TpHCM 2006

Tài Liệu Gốc do Lý Đông A viết:

1. Duy Dân Huấn Phương
2. Tổ Đảng (11 tập)
3. Lập Học
4. Triết Học Chính Thống
5. Chìa Khóa của Công Việc
6. Sấm Khảo
7. Chu Tri Lục (NXB Gió Đáy Chợ Lớn 1969)
8. Duy Nhân Cương Thường (NXB Gió Đáy Chợ Lớn 1970)
9. Huyết Hoa (NXB Gió Đáy Chợ Lớn 1969)

Tài Liệu Triển Khai

1. Lý Đông A và Công Cuộc Cách Mạng Dân Tộc – Hồi Ký Thái Hùng B, 1990
2. Ý Nghĩa và Hình Thức Đảng Kỳ Đại Việt Duy Dân Thái Đình Nhân 1972

Học hội Thăng Nghĩa